

## GIẢNG DẠY TIẾNG ANH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY: TIỀM NĂNG VÀ THÁCH THỨC

**BÙI LAN ANH\***

**Abstract:** This article provides basic information about recent digital transformation in the world and in Vietnam education in Vietnam. It analyzes the methods of teaching and learning English through a communication approach, points out some issues that need attention, and proposes some applications of digital transformation for English teaching and learning activities in Vietnam in the coming time.

**Keywords:** *digital transformation, English Language Teaching (ELT), Communicative Language Teaching (CLT), educational technology, Vietnam*

### 1. Đặt vấn đề

Hội nhập quốc tế và vươn mình ra thế giới thì làm chủ tiếng Anh là vô cùng cần thiết. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, sự tiến bộ vượt bậc mang tính đột phá của công nghệ số, có thể nói chuyển đổi số đã và đang dần trở thành xu hướng tất yếu trong các mặt của đời sống kinh tế xã hội nói chung và giảng dạy tiếng Anh nói riêng.

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), chuyển đổi số không chỉ dẫn tới những thay đổi to lớn trong phương pháp giảng dạy, học tập mà còn góp phần thay đổi mô hình quản lý giáo dục, giúp nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường tính cá nhân hoá trong học tập và mở rộng khả năng tiếp cận tri thức [14]. Với sự hỗ trợ của công nghệ, của các thiết bị kết nối (máy tính, internet, điện thoại,...), hoạt động dạy và học nói chung cũng như dạy và học tiếng Anh nói riêng, sẽ có những thay đổi so với dạy và học truyền thống trước đây. Bài viết này, sẽ tìm hiểu một số vấn đề cơ bản về chuyển đổi số, nghiên cứu phương pháp dạy và học tiếng Anh thông qua giao tiếp, đưa ra một số vấn đề cần quan tâm trong bối cảnh phát triển của khoa học - công nghệ hiện nay, từ đó đề xuất một số ứng dụng chuyển đổi số vào hoạt động dạy và học tiếng Anh thời gian tới.

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Bối cảnh chuyển đổi số trên thế giới và chuyển đổi số trong giáo dục tại Việt Nam

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba từ những năm 1950 đến cuối những năm 1970, với sự ra đời, sản xuất và ứng dụng rộng rãi của logic kĩ thuật số, hiệu ứng trường kim loại - oxit bán dẫn, chip mạch tích hợp (IC) và các công nghệ dẫn xuất của chúng gồm máy tính, bộ vi xử lí, điện thoại di động, Internet... mở đầu cho cách mạng kĩ thuật số, mở ra Kỷ nguyên thông tin [20]. Những đổi mới công nghệ này đã làm thay đổi mọi mặt đời sống kinh tế xã hội, góp phần tăng năng suất lao động và thúc đẩy cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Sang thế kỉ XXI, thế giới bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, còn gọi là cách mạng công nghệ 4.0. Cũng dựa trên nền tảng kĩ thuật số nhưng được đưa lên cấp độ mới với sự trợ giúp của kết nối qua Internet, truy cập dữ liệu thời gian thực và các hệ thống vật lí không gian mạng... Cách mạng công nghệ 4.0 tác động nhanh chóng, toàn diện đến mọi mặt đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục... với phạm vi toàn cầu, mang lại nhiều cơ hội và thách thức đối với các quốc gia. Điều này tác động đến chính phủ các nước phải đổi mới tổ chức, hoạt động theo hướng số hoá, ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh, văn hoá, giáo dục, xã hội, quản lí, điều hành... trong đó có Việt Nam.

---

\* Học viện Hành chính và Quản trị công; Email: anhbl@apag.edu.vn

Là một trong những quốc gia nhận thức về chuyển đổi số sớm, Việt Nam đã có những định hướng phát triển trong lĩnh vực này. Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TU về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư trong đó nhấn mạnh yêu cầu cấp bách đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số [1].

Triển khai nghị quyết của Bộ chính trị, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình chuyên đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030”, mà giáo dục là một trong tám lĩnh vực trọng điểm được nhấn mạnh ...“Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hoá tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến”... [3]. Đề án đã mở ra những cơ sở pháp lý để các cơ sở đào tạo phát triển hệ thống quản lý, học tập trực tuyến, phù hợp và đáp ứng bối cảnh đại dịch Covid toàn cầu mà Việt Nam là nước bị ảnh hưởng không ít. Thời gian này, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 24/CT-TTg, nhấn mạnh việc phát triển nội dung số trong giáo dục, yêu cầu các cơ sở đào tạo xây dựng kho học liệu mở, tạo điều kiện để người học tiếp cận kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau một cách linh hoạt, nhằm đảm bảo tổ chức dạy và học an toàn, ứng phó với đại dịch [17]. Tiếp theo Chính Phủ đã ban hành quyết định số 131/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” với mục tiêu ...“Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng, cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số”... Đề án khuyến khích sử dụng dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) trong giảng dạy, học tập và đánh giá học sinh [4].

Như vậy, Việt Nam là một trong các quốc gia sớm ban hành chủ trương, chính sách, chương trình hành động mang tính chiến lược về chuyển đổi số quốc gia và chuyển đổi số trong giáo dục. Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng trong quá trình đổi mới căn bản, hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, của các tổ chức cá nhân trong sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục... nói chung và hoạt động giảng dạy ngôn ngữ nói riêng, trong đó dạy tiếng Anh không phải là ngoại lệ.

## ***2.2. Khái quát phương pháp giao tiếp trong dạy và học tiếng Anh***

Giáo trình Phương pháp và cách tiếp cận trong giảng dạy ngôn ngữ của Đại học Cambridge Vương quốc Anh cho rằng: “Phương pháp giảng dạy ngôn ngữ là tập hợp hệ thống bao gồm nội dung bài giảng (lí thuyết nền tảng), cách thức tiếp cận (trình tự giảng dạy, cách thiết kế, xử lý nội dung bài giảng), học liệu (tài liệu sử dụng, ứng dụng thực tế) và sự truyền tải, dẫn dắt của giáo viên cũng như sự tương tác của học viên nhằm đạt được các mục tiêu trong quá trình giảng dạy và học tập” [16].

Hoạt động dạy và học tiếng Anh đã trải qua nhiều thay đổi đáng kể từ các phương pháp giảng dạy truyền thống (chủ yếu dựa vào các tương tác trực tiếp trong lớp học, thường lấy giáo viên làm trung tâm, tập trung vào dạy ngữ pháp và từ vựng) đến phương pháp dạy học tích cực hiện nay (lấy người học làm trung tâm, phát triển toàn diện các kĩ năng, tăng cường khả năng giao tiếp ngôn ngữ đích của người học). Dạy tiếng Anh thông qua Ngôn ngữ - Giao tiếp (Communicative Language Teaching - CLT) còn gọi là phương pháp Giao tiếp là một cách thức dạy tiếng Anh nhấn mạnh vào sự tương tác như là phương tiện và mục tiêu của học tập. Đây là một trong những phương pháp dạy ngoại ngữ tích cực khá phổ biến hiện nay.

### ***2.2.1. Nền tảng lí thuyết***

Sự ra đời của thị trường chung châu Âu (1953), góp phần làm làn sóng di cư, tìm việc làm ở châu Âu những 1970 gia tăng, nhu cầu học tiếng Anh cũng phát triển mạnh. Tuy nhiên nhiều người học đã

gặp khó khăn với các phương pháp truyền thống tập trung nhiều vào ngữ pháp và mẫu câu, ít sử dụng trong thực tế, không khuyến khích sáng tạo và sự tự do trong giao tiếp, do thiếu ngữ cảnh thực tế [16].

Là cha đẻ của lí thuyết ngôn ngữ học tạo sinh (khả năng vốn có và bẩm sinh của con người), nhà ngôn ngữ học người Mỹ Noam Chomsky đã đưa ra nhận định về *năng lực ngôn ngữ*, là các kiến thức, quy tắc ngữ pháp để tạo ra ngôn ngữ và *hiệu suất* là quá trình sử dụng các kiến thức ngôn ngữ ấy - kể cả chưa chuẩn xác trong quá trình giao tiếp [7]. Tiếp tục phát triển các lí thuyết của Noam Chomsky, nhà ngôn ngữ học người Mỹ là Dell Hathaway Hymes (1927-2009) đã đưa ra khái niệm về năng lực giao tiếp. Theo ông, để nói một ngôn ngữ chính xác, không chỉ cần học từ vựng và ngữ pháp của ngôn ngữ đó mà còn phải học cả ngữ cảnh để sử dụng và diễn đạt cho phù hợp. Như vậy, năng lực giao tiếp mà Hymes đề cập đến có thể hiểu là khả năng giao tiếp hiệu quả của một cá nhân ở những bối cảnh khác nhau, trong đó sự diễn đạt ngôn ngữ là cách truyền tải các thông điệp gồm: quy tắc ngữ pháp, kiến thức xã hội và khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh [10]. Nói một cách khác năng lực giao tiếp gồm cả sự nhận thức chứ không chỉ giới hạn ở các quy tắc ngữ pháp.

Sự chưa thành công của các phương pháp dạy ngoại ngữ truyền thống trước đó đã thúc đẩy hai nhà giáo dục người Anh là Michael Canale và Swain nghiên cứu các lí thuyết về năng lực giao tiếp với việc dạy ngôn ngữ và đưa ra khái niệm năng lực diễn thuyết để bổ sung sự gắn kết, tính mạch lạc trong quá trình dạy và học ngôn ngữ [6]. Cùng thời gian ấy, nhà ngôn ngữ học ứng dụng David Wilkins đã nhấn mạnh việc hiểu ngôn ngữ để sử dụng giao tiếp là rất quan trọng. Quan điểm này của ông đã góp phần thay đổi cách dạy ngoại ngữ, từ việc tập trung vào ngữ pháp sang chú trọng nhiều hơn vào giao tiếp. Các giáo trình theo quan điểm của Wilkins thường nhấn mạnh việc dạy ngôn ngữ thông qua giao tiếp, bài tập mô phỏng các tình huống thực tế, dạy các “khái niệm” và “chức năng” chứ không chỉ tập trung vào ngữ pháp [22].

Như vậy, việc ứng dụng các lí thuyết về ngôn ngữ trong giảng dạy tiếng Anh phương pháp CLT là một trong những cách tiếp cận mới, đã và đang được ứng dụng rộng rãi trong hoạt động dạy và học ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh hiện nay.

### 2.2.2. Cách thức tiếp cận

Với nền tảng dựa trên lí thuyết năng lực giao tiếp, phương pháp CLT đặt trọng tâm giúp người học phát triển năng lực, các kĩ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết), để người học sử dụng ngôn ngữ đích một cách tự nhiên, tự tin và hiệu quả ở các tình huống thực tế thay vì chỉ chú trọng vào sự hoàn hảo của ngữ pháp.

Cách thức tiếp cận lấy người học làm trung tâm, để họ chủ động tham gia vào các tình huống giao tiếp như: Thảo luận nhóm, trò chơi ngôn ngữ ... với sự hướng dẫn của giáo viên trong lớp học hoặc các buổi dã ngoại để mô phỏng những tình huống thực tế làm người học tham gia một cách tích cực vào các ngữ cảnh giao tiếp khác nhau. Như vậy, CLT không chỉ đặt trọng tâm ở việc truyền đạt kiến thức ngôn ngữ mà còn là ứng dụng ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp đời sống nên hoạt động giảng dạy thường hướng đến việc thực hành và giải quyết vấn đề khi sử dụng ngôn ngữ đích.

Dạy tiếng Anh theo CLT luôn nhấn mạnh vào sự tương tác như một phương tiện và mục tiêu cuối cùng của việc học. Người học trong môi trường CLT sẽ sử dụng tiếng Anh để giao tiếp với nhau và với giáo viên hướng dẫn; Nghiên cứu “văn bản gốc” (văn bản được viết bằng ngôn ngữ đích); Sử dụng ngôn ngữ Anh trong và ngoài lớp học, ở các ngữ cảnh thực tế..., qua đó góp phần làm tăng tính chủ động và sự tự tin của người học khi sử dụng tiếng Anh.

Như vậy phương pháp CLT không chỉ đặt trọng tâm ở truyền đạt kiến thức ngôn ngữ đích mà còn ứng dụng ngôn ngữ đích trong các tình huống đời sống cụ thể, qua đó nâng cao khả năng truyền tải

thông điệp, nên hoạt động dạy và học khá đa dạng, không bị khuôn mẫu, góp phần tạo môi trường học tập tích cực, sáng tạo. Sự tương tác này không chỉ giúp học viên học hỏi nhau mà còn giúp giáo viên có thể đánh giá được trình độ của học viên và sự tiến bộ của họ trong tiến trình học tập.

### 2.2.3. Học liệu trong phương pháp dạy tiếng Anh giao tiếp (CLT)

Học liệu (learning materials) là các phương tiện vật chất lưu giữ, mang hoặc phản ánh nội dung học tập, nghiên cứu. Học liệu có thể sử dụng dưới dạng truyền thống (tranh ảnh, ảnh dạng thẻ) và học liệu điện tử. Học liệu điện tử là các tài liệu học tập được số hoá theo một kiến trúc định dạng và kịch bản nhất định, được lưu trữ trên các thiết bị điện tử như CD, USB, máy tính, mạng máy tính nhằm phục vụ cho việc dạy và học. Dạng thức số hoá có thể là văn bản (text), bảng dữ liệu, âm thanh, hình ảnh, video, phần mềm máy tính và hỗn hợp các dạng thức nói trên [2].

Việc phát triển học liệu đóng vai trò quan trọng trong giảng dạy nói chung và CLT nói riêng. Học liệu trong CLT phải định hướng giao tiếp, tức là tạo điều kiện để người học sử dụng ngôn ngữ nhằm đạt được mục đích cụ thể chứ không chỉ luyện tập cấu trúc ngữ pháp. Vì thế nguyên tắc cốt lõi trong phát triển học liệu của CLT là sử dụng *ngữ liệu thực (authentic materials)*. Tài liệu dùng trong CLT cần khai thác ngôn ngữ từ các nguồn thực tế như báo, tạp chí, quảng cáo, hội thoại thường ngày... nhằm giúp người học tiếp xúc với cách dùng ngôn ngữ đa dạng, sinh động đối với các hoạt động đời thường, thay vì sử dụng ngôn ngữ được tạo ra với mục đích dạy một hiện tượng cụ thể (contrived language) [9]. Việc sử dụng tài liệu thực không chỉ làm tăng động lực học tập của người học bởi đáp ứng nhu cầu và sở thích của họ, mà còn nâng cao nhận thức về văn hoá và năng lực ngôn ngữ [13]. Để tăng cường mức độ tham gia của người học, các tài liệu học tập cần được cá nhân hoá, lấy người người học làm trung tâm, tức là phản ánh nhu cầu, sở thích của họ.

Việc tích hợp các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong cùng một hoạt động hoặc chuỗi hoạt động là điều rất cần thiết, vì thực tế quá trình giao tiếp các kĩ năng này hiếm khi tách biệt nhau. Đồng thời, ngôn ngữ trong học liệu phải được gắn liền với ngữ cảnh sử dụng để người học hiểu rõ cách điều chỉnh lời nói và hành vi phù hợp với tình huống giao tiếp. Học liệu cũng cần khuyến khích sự tương tác và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, cặp đôi, đóng vai hoặc nhiệm vụ giao tiếp. Những nguyên tắc này đảm bảo rằng tài liệu không chỉ truyền tải kiến thức ngôn ngữ mà còn tạo điều kiện để người học thực hành và phát triển năng lực giao tiếp trong môi trường học tập tích cực, giàu tính tương tác.

Trong CLT, học liệu truyền thống thường là giáo trình mô phỏng các tình huống đời thực, các đoạn hội thoại mẫu, các bài tập liên quan đến đóng vai (role - play), các hoạt động dựa trên những thông tin bị thiếu (information gap), bảng câu hỏi hay các bài nghe được ghi âm sẵn... Những tài liệu này được thiết kế nhằm khuyến khích người học sử dụng ngôn ngữ trong bối cảnh gần thực tế, đồng thời phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua tương tác có mục tiêu. Các hoạt động thường chú trọng đến chức năng ngôn ngữ như xin phép, yêu cầu, đề xuất, phù hợp với nguyên lí của CLT là đặt người học vào tình huống giao tiếp mô phỏng các tình huống ngoài đời thật.

### 2.2.4. Một số vấn đề đặt ra

Mặc dù được xem là một trong những phương pháp dạy và học tiếng Anh tương đối hiệu quả hiện nay, tuy nhiên phương pháp CLT truyền thống (thiết bị giảng dạy thô sơ, sử dụng sách in, băng, đĩa, đến lớp thường xuyên...) còn có một số vấn đề đặt ra như:

*Thứ nhất*, phương pháp CLT truyền thống với các công cụ giảng dạy thô sơ khiến trải nghiệm học tập bị giới hạn trong các phương tiện không tương tác. Trong khi đó, bối cảnh công nghệ phát triển mạnh mẽ, người học ngày càng mong đợi những công cụ hỗ trợ linh hoạt, được tích hợp công nghệ để gia tăng hiệu quả và sự tham gia.

*Thứ hai*, với cách dạy truyền thống, phương pháp CLT chưa chủ động về không gian và thời gian như: Yêu cầu người học có mặt trực tiếp tại lớp theo thời khoá biểu cố định - đây là trở ngại đáng kể cho những người học không có điều kiện tham gia đều đặn hoặc ở xa trung tâm đào tạo. Bên cạnh đó, CLT truyền thống chủ yếu tập trung vào các hoạt động nhóm và đóng vai tại lớp, điều này hạn chế khả năng tiếp cận của người học trong những bối cảnh học tập phi tập trung hoặc học tập từ xa.

*Thứ ba*, việc chuẩn bị học liệu, điều phối hoạt động nhóm, điều chỉnh nội dung theo phản hồi của người học... là một thách thức không nhỏ trong quá trình triển khai CLT, nên dạy tiếng Anh phương pháp CLT truyền thống khiến giáo viên rất vất vả, nhất là giáo viên trẻ, ít kinh nghiệm.

*Thứ tư*, một số học liệu sử dụng trong CLT truyền thống chưa thể hiện được tính xác thực (authenticity) cần thiết, do bị giới hạn bởi giáo trình định sẵn, nên có những đoạn hội thoại mẫu trong giáo trình nếu không thường xuyên cập nhật sẽ có tình trạng chưa phản ánh chân thực các tình huống giao tiếp thực tiễn, do theo thời gian nhận thức, hoàn cảnh có thể thay đổi [9].

*Thứ năm*, tài liệu dạy và học in ấn sẵn thường sẽ khó cập nhật hơn và ít có khả năng điều chỉnh theo nhu cầu cá nhân hoặc môi trường địa phương nên bị ảnh hưởng đến tính cá nhân hoá và khả năng phát triển năng lực giao tiếp liên văn hoá, đồng thời khả năng cập nhật, điều chỉnh chưa được nhanh khiến chúng dễ bị lỗi thời.

### **3. Tiềm năng, thách thức ứng dụng chuyển đổi số trong giảng dạy tiếng Anh ở Việt Nam**

#### **3.1. Tiềm năng**

*Một là, ứng dụng chuyển đổi số vào dạy học tiếng Anh phương pháp CLT cho phép mở rộng khả năng tiếp cận và tính linh hoạt.*

Một trong những lợi ích lớn nhất của chuyển đổi số là khả năng tiếp cận kiến thức rộng rãi thông qua các nền tảng học tập trực tuyến, trí tuệ nhân tạo (AI) và thực tế ảo (VR), từ đó mang lại trải nghiệm dạy và học có tính tương tác và linh hoạt cao hơn - đó là một trong các mục đích của phương pháp CLT. Khi có kết nối internet, học viên có thể truy cập tài liệu học tập mọi lúc, mọi nơi, khắc phục hạn chế về không gian, thời gian của lớp học truyền thống. Điều này rất hữu ích với người học trưởng thành, những người cần cân bằng việc học với công việc và trách nhiệm cá nhân. Công nghệ số còn giúp người học có thể học theo tiến độ của riêng mình với sự học tập linh hoạt hơn. Người học có thể không phải thường có mặt ở lớp hay phụ thuộc vào tài liệu in ấn mà họ có thể tương tác qua video, thực hành nói với trợ lý ảo AI, tham gia diễn đàn thảo luận và các hoạt động trực tuyến khác cùng lớp học.

*Hai là, ứng dụng chuyển đổi số giúp tăng cường sự tham gia của người học thông qua nội dung tương tác là mục tiêu cốt lõi trong dạy tiếng Anh phương pháp CLT.*

Phương tiện kỹ thuật số đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự tham gia của học viên. Các yếu tố tương tác như bài kiểm tra, mô phỏng và tài nguyên đa phương tiện giúp quá trình học tập trở nên chủ động hơn. Ví dụ, Pinto và các cộng sự năm 2021 đã thực hiện tại Bồ Đào Nha tổng quan hệ thống các nghiên cứu thực nghiệm nhằm đánh giá hiệu quả của việc sử dụng chiến lược trò chơi hoá kết hợp với công nghệ thực tế ảo (VR) trong học ngoại ngữ. Các tác giả đã phân tích những nghiên cứu trước đó liên quan đến áp dụng VR và trò chơi hoá trong dạy ngôn ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học khác nhau và chỉ ra các ứng dụng ngôn ngữ học có tích hợp yếu tố trò chơi (điểm thưởng, huy hiệu, bảng xếp hạng...) không chỉ làm tăng hứng thú, động lực cho người học mà những công cụ tương tác này còn giúp họ ghi nhớ, củng cố kiến thức ngôn ngữ tốt hơn [15]. Công nghệ số còn hỗ trợ việc mở rộng và củng cố năng lực giao tiếp thông qua việc sử dụng học liệu xác thực và tương tác thực tế. Các nền tảng số có thể cá nhân hoá quá trình học tập, giúp người học luyện tập các kỹ năng ngôn ngữ trong môi trường thực tế hoá và giàu tính tương tác [21]. Đồng thời công nghệ có thể tăng cường sự tương tác giữa người học với giáo viên và với nhau, từ đó cải thiện kỹ năng giao tiếp.

*Ba là, chuyển đổi số hỗ trợ cho việc cá nhân hoá trải nghiệm học tập - là nội dung mà dạy tiếng Anh phương pháp CLT luôn hướng tới*

Sự ra đời của internet và các nền tảng trực tuyến như Zoom, Moodle hay các công cụ học tập tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) như ChatGPT, Duolingo, Elsa Speak... đã giúp giáo viên thiết kế các hoạt động giao tiếp mang tính tương tác cao, phản hồi tức thì và cá nhân hoá theo nhu cầu người học. Điều này cho phép người học thực hành tiếng Anh trong các bối cảnh chân thực, đa dạng và liên văn hoá, rất phù hợp với triết lý cốt lõi của CLT. Các nền tảng học tập thích ứng có thể phân tích dữ liệu về hiệu suất học tập của học viên để điều chỉnh mức độ khó và nội dung giảng dạy của giáo viên dựa trên điểm mạnh và điểm yếu của người học qua đó nâng cao hiệu quả tiếp thu ngôn ngữ. Ngoài ra, phương tiện kỹ thuật số còn giúp giáo viên cung cấp các bài giảng chuyên sâu về những lĩnh vực cụ thể như từ vựng hoặc ngữ pháp [18]. Việc tích hợp công nghệ giúp học viên tiếp cận kho tài nguyên phong phú, tăng cường sự tương tác và hỗ trợ các lộ trình học tập cá nhân, góp phần cải thiện kết quả học tập. Nghiên cứu của Blake (2019) chỉ ra rằng công nghệ có thể tăng cường sự tương tác giữa giáo viên và học viên, giúp cải thiện kỹ năng giao tiếp và phát triển tư duy phản biện [5].

*Bốn là, chuyển đổi số góp phần phát triển kiến thức xã hội, tăng cường năng lực giao tiếp là một trong những mục đích của phương pháp dạy tiếng Anh CLT*

Các dữ liệu số có lượng tích hợp lớn bối cảnh văn hoá, xã hội, vào nội dung truyền tải ngôn ngữ, nâng cao khả năng nhận thức văn hoá của học viên. Giáo viên có thể lựa chọn tài liệu phản ánh cách sử dụng ngôn ngữ trong thực tế và góc nhìn các chiều cạnh văn hoá, xã hội khác nhau để giúp học viên sẵn sàng hoà nhập vào thế giới toàn cầu hoá. Nội dung mang tính thực tiễn này giúp học viên hiểu rõ hơn về sắc thái ngôn ngữ trong các môi trường khác nhau, đa dạng hoá trải nghiệm học tập [12].

Khi sử dụng các công nghệ hiện đại như: Nhận diện giọng nói trong ELSA Speak và Rosetta Stone - có thể cung cấp phản hồi tức thời về phát âm, điều đó giúp học viên điều chỉnh ngữ điệu và âm tiết chính xác hơn so với băng cassette cũ [11]. Ví dụ, ELSA có thể chỉ ra lỗi phát âm /tʰ/ trong “think” và hướng dẫn sửa từng bước. Trí tuệ nhân tạo (AI) như ChatGPT có thể tạo hội thoại thực tế, như mô phỏng phỏng vấn xin việc, mua đồ tại siêu thị, đặt phòng khách sạn hoặc mua sắm... làm đa dạng hoá các tình huống giao tiếp thực tế giúp người học hình dung và ứng dụng ngay trong cuộc sống.

*Năm là, chuyển đổi số cho phép cải thiện cách quản lý và điều chỉnh các bài giảng của giáo viên một cách linh hoạt và kịp thời với trình độ học tập của học viên*

Việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy tiếng Anh cho người không phải bản xứ (EFL) ngoài hỗ trợ công tác giảng dạy, còn giúp giáo viên có cái nhìn khách quan hơn về tiến trình học tập của học viên do dựa trên các công cụ theo dõi tần suất và phản hồi của họ cũng như những điểm cần cải thiện của người học, qua đó có thể điều chỉnh bài giảng.

### **3.2. Thách thức của chuyển đổi số trong giảng dạy tiếng Anh**

*- Thứ nhất, tâm lý chưa sẵn sàng thay đổi của một bộ phận giáo viên*

Đây là vấn đề tương đối phổ biến trong các cơ sở giáo dục, đặc biệt là trong giáo dục đại học, nơi cơ hội nghề nghiệp mang tính ổn định và tỉ lệ thay đổi nhân sự thấp. Không ít giảng viên tỏ ra dè dặt, thiếu tự tin trong áp dụng chuyển đổi số do lo ngại về khả năng sử dụng công nghệ mới, hay những băn khoăn về điều chỉnh chương trình đào tạo, giáo án vì sẽ mất công và vất vả hơn.

*- Thứ hai, rào cản về chi phí và khả năng tiếp cận*

Một trong những thách thức lớn của chuyển đổi số là gánh nặng tài chính khi triển khai các công nghệ tiên tiến. Nhiều cơ sở giáo dục đã và đang đối mặt với chi phí lớn trong việc lắp, bảo trì các công cụ giảng dạy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI). Ngoài ra, khả năng tiếp cận công nghệ của học viên cũng

là vấn đề cần quan tâm. Nhiều học viên gặp khó khăn do thiếu thiết bị học tập, kết nối internet không ổn định hoặc không có đủ phần mềm và tài nguyên kỹ thuật số cần thiết. Những rào cản này có thể tạo ra sự chênh lệch trong cơ hội học tập, làm giảm mức độ tương tác và kết quả học tập của học viên.

#### *- Thứ ba, sự thích ứng của học viên*

Khi các cơ sở giáo dục chuyển đổi tích hợp công nghệ vào chương trình giảng dạy, học viên phải làm quen với các phương thức học tập mới. Quá trình chuyển đổi này có thể gây khó khăn cho những học viên chưa quen với công nghệ hoặc gặp những hạn chế về kỹ thuật, thiết bị và độ am hiểu công nghệ. Những học viên thuộc nhóm yếu thế, hay những người đến từ các hộ gia đình có thu nhập thấp, thường bị ảnh hưởng hơn nên có thể có sự chưa bình đẳng trong học tập. Nên cần xây dựng một môi trường học tập để đảm bảo cho mọi học viên đều có cơ hội thành công trong bối cảnh giáo dục số hoá.

### **3.3. Một số kiến nghị**

#### *3.3.1. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động dạy và học tiếng Anh phương pháp CLT*

Trí tuệ nhân tạo (AI) có thể giúp tạo ra các bài tập tương tác, cung cấp phản hồi tự động, cải thiện khả năng tự học của học viên cũng như sự điều chỉnh của giáo viên theo trình độ và phong cách học tập của họ. Có thể kể đến như ChatGPT, Grammarly, Speechling, Duolingo, FluentU... sẽ hỗ trợ hoạt động dạy học tiếng Anh phương pháp CLT hiệu quả hơn rất nhiều. Cụ thể:

Ứng dụng Duolingo (sử dụng trò chơi vào việc học) giúp người học tham gia hào hứng, vừa luyện kỹ năng giao tiếp; Ứng dụng Babbel (cung cấp bài học theo các chủ đề) giúp thúc đẩy bản thân người học một cách toàn diện các kỹ năng giao tiếp; Ứng dụng Grammarly (gợi ý sửa lỗi ngữ pháp) giúp người học hoàn thiện hơn về kỹ năng viết; Ứng dụng FluentU (sử dụng các video thực tế như phim, tình huống quảng cáo...) giúp người học làm quen với bối cảnh giao tiếp thực tế; Ứng dụng Speechling (nhận diện giọng nói) cho phép người học luyện tập cách phát âm với phản hồi tức thì; Ứng dụng ChatGPT (đóng vai trò như một trợ lý học tập thông minh), hỗ trợ viết luận và thực hành hội thoại giúp tăng cường năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng việc tích hợp AI vào giảng dạy giúp cải thiện đáng kể khả năng phát âm, từ vựng và ngữ pháp của người học, đồng thời trợ giúp họ có cơ hội thực hành nhiều hơn bên ngoài lớp học [18]. Ngoài ra AI cũng có thể hỗ trợ giáo viên giảm tải trong soạn, điều chỉnh giáo án để phù hợp với các cá nhân trong lớp học.

#### *3.3.2. Xây dựng hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)*

Hệ thống quản lý học tập trực tuyến (Learning Management System- LMS) là một công cụ số rất quan trọng giúp quản lý nội dung, đánh giá tiến độ học tập và tổ chức các hoạt động giảng dạy một cách hiệu quả. Sử dụng các nền tảng ứng dụng công nghệ như Moodle, Canvas, Blackboard và Google Classroom cung cấp các công cụ hỗ trợ giảng dạy như: Hệ thống kiểm tra trực tuyến, phân bổ tài nguyên học tập số hoá, diễn đàn, thảo luận trực ... Các công cụ giao tiếp giữa người dạy và người học có tích hợp AI sẽ giúp người học tiếp cận, tương tác, tham gia bài giảng, diễn đàn, thảo luận... mọi lúc, mọi nơi - là điểm luôn được nhấn mạnh của dạy tiếng Anh phương pháp CLT.

Hệ thống quản lý học tập trực tuyến còn hỗ trợ giáo viên theo dõi, đánh giá tiến độ học tập của học viên một cách tương đối chính xác, qua đó điều chỉnh bài giảng phù hợp hơn với các đối tượng học tập [19] - một trong những phương châm cá nhân hoá của phương pháp CLT.

#### *3.3.3. Phát triển học liệu số và nội dung giáo dục mở*

Học liệu số đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy và khả năng tiếp cận tri thức của học viên. Do đó cần có những chính sách (bản quyền, trả phí) để giảng viên và học viên có thể tiếp cận với các tài nguyên như MOOCs (Massive Open Online Courses), OER (Open

Educational Resources), Coursera, EdX, FutureLearn... của các trường đại học hàng đầu trên thế giới. Theo báo cáo từ Farrow và các cộng sự, việc phát triển học liệu số không chỉ giúp người học có nhiều lựa chọn học tập hơn mà còn giảm chi phí mua sách và tài liệu truyền thống [8].

Ngoài ra, các thư viện số và trang web mở như *British Council Learn English* và *BBC Learning English* cung cấp các tài liệu học tập đa dạng từ bài nghe, bài đọc giúp người học cải thiện các kỹ năng ngôn ngữ một cách toàn diện, tạo ra môi trường học tập chủ động cho người học.

#### 3.3.4. Tích hợp công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR) vào giảng dạy

Thực tế ảo và thực tế tăng cường đang thay đổi các trải nghiệm học tập nhập vai trong dạy và học tiếng Anh. Công nghệ này giúp người học thực hành tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp thực tế mà không cần rời khỏi lớp học, qua đó nâng cao kỹ năng hội thoại, năng lực giao tiếp và khả năng tiếp thu từ vựng [15].

Kết hợp các công nghệ qua các ứng dụng Mondly VR, Google Expeditions, ImmerseMe cung cấp môi trường thực tế ảo là vấn đề rất hữu ích để người học có thể thực hành hội thoại trong các bối cảnh khác nhau như: Bối cảnh nhà hàng, sân bay, phỏng vấn xin việc... Việc đưa ra các bối cảnh cụ thể khiến tình huống trở nên sinh động, giúp tăng khả năng ghi nhớ từ vựng và cải thiện kỹ năng giao tiếp của người học qua đó nâng cao khả năng tiếp thu ngôn ngữ và tạo thói quen học tập có tính tương tác cao - đó là phương châm của phương pháp CLT.

#### 3.3.5. Nâng cao năng lực số cho giáo viên và học viên

Năng lực số của giáo viên và học viên là yếu tố quan trọng trong ứng dụng công nghệ vào giảng dạy và học tập. Tại Việt Nam, thời gian qua nhiều cơ sở đào tạo đã chú trọng nâng cao năng lực số cho đội ngũ giáo viên, tăng cường năng lực số cho học viên.

Để đáp ứng được yêu cầu ứng dụng chuyển đổi số toàn diện trong giáo dục nói chung, dạy và học tiếng Anh phương pháp CLT nói riêng, các Bộ ngành, cần thiết phải xây dựng các chương trình đào tạo và ban hành các chính sách cụ thể về nội dung này đối với giáo viên dạy ngoại ngữ - nhằm giúp họ có khả năng sử dụng AI, quản lý dữ liệu, thiết kế khoá học và đánh giá trực tuyến. Đồng thời người học cũng cần phát triển kỹ năng tự học, hợp tác trực tuyến và tư duy phản biện trong môi trường số.

### 4. Kết luận

Có thể nói, ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động dạy và học tiếng Anh phương pháp CLT không chỉ tối ưu hoá phương pháp truyền thống mà còn tạo ra cách tiếp cận mới, đáp ứng yêu cầu giao tiếp thực tế, cá nhân hoá và linh hoạt hơn mà các phương pháp truyền thống chưa làm được. Các nền tảng kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo và học tập trực tuyến đã thay đổi cách tiếp cận trong quá trình dạy và học tiếng Anh, hỗ trợ người học có thể học tập từ xa qua Zoom, học nhóm qua Padlet, luyện phát âm qua ELSA Speak... giúp học viên tiếp cận nguồn tài nguyên không giới hạn. Giáo viên cũng tiết kiệm thời gian hơn nhờ AI hỗ trợ soạn bài giảng, quản lý nội dung học tập, đánh giá tiến độ học tập của học viên một cách khá chính xác để có sự điều chỉnh bài giảng kịp thời.

Với các ứng dụng to lớn như vậy, các cơ quan quản lý nhà nước cần xây dựng các chính sách để việc ứng dụng chuyển đổi số phát triển trong dài hạn, cũng như lộ trình cụ thể phát triển trong từng thời kỳ, từng lĩnh vực để Việt Nam không bị tụt hậu so với thế giới. Đồng thời cần nghiên cứu để ban hành các cơ chế chính sách liên quan đến ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực giáo dục nói chung, cho hoạt động dạy ngoại ngữ nói riêng để có thể quản lý được hoạt động này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

#### Tiếng Việt

1. Bộ Chính trị. *Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, ngày 27/9/2019. 2019.

2. Bộ Giáo dục Đào tạo. *Thông tư số 11/2018/TT-BGDĐT Ban hành tiêu chí xác định hàng hoá chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho giáo dục*, ngày 06/4/2018. 2018.
3. Chính phủ Việt Nam. *Quyết định số 749/QĐ-TTg Phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. 2020.
4. Chính phủ Việt Nam. *Quyết định số 131/QĐ-TTg về Chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục*. 2022.

### Tiếng Anh

5. Blake, R. *Technology and the four skills: Current challenges and future directions*. *Language Learning & Technology*, 23(2), 114-126. 2019.
6. Canale, M., & Swain, M. *Theoretical bases of communicative approaches to second language teaching and testing*. *Applied Linguistics*, 1(1), 1-47. 1980.
7. Chomsky, N. *Aspects of the Theory of Syntax*. MIT Press, 296. 1965.
8. Farrow, R., Perryman, L.-A., Pitt, R., Weller, M., & de los Arcos, B. (2014, November). *OER evidence report 2013-2014*. OER Research Hub. <http://oerresearchhub.org/about-2/reports/>
9. Gilmore, A. *Authentic materials and authenticity in foreign language learning*. *Language Teaching*, 40(2), 97-118. 2007. <https://doi.org/10.1017/S0261444807004144>
10. Hymes, D. H. *On communicative competence*. In J. B. Pride & J. Holmes (Eds.), *Sociolinguistics* (pp. 269-293). Penguin. 1972.
11. Lado, R. *Language teaching: A scientific approach*. McGraw-Hill. 1964.
12. Li, N. *Integrating cross-cultural competence into English language teaching: A digitally-enabled approach*. Proceedings of the EAI International Conference on Educational Innovation and Multimedia Technology 2024. 2024. <https://eudl.eu/pdf/10.4108/eai.29-3-2024.2347751>
13. Martinez, A. *Authentic Materials: An Overview. Free Resources for Teachers and Students of English*. *Karen's Linguistics Issues*, 1-7. 2002.
14. OECD. *Digital Education Outlook 2021: Pushing the Frontiers with AI, Blockchain and Robots*. OECD Publishing. 2021.
15. Pinto, R. D., Peixoto, B., Melo, M., Cabral, L., & Bessa, M. *Foreign language learning gamification using virtual reality—A systematic review of empirical research*. *Education Sciences*, 11(5), 222. 2021. <https://doi.org/10.3390/educsci11050222>
16. Richards, J. C., & Rodgers, T. S. *Approaches and Methods in Language Teaching* (3rd ed.). Cambridge: Cambridge University Press. 2014.
17. Thủ tướng Chính phủ. *Chỉ thị số 24/CT-TTg về phát triển nội dung số trong giáo dục đại học*. 2021.
18. Topalovic, M. D., Valcic, M., & Herceg, J. *Artificial intelligence in foreign language teaching and cultural competency development*. University of Applied Sciences “Marko Marulić” of Knin. 2023.
19. Tran-Thi-Thanh, T. *Language teachers' adaptability to digital transformation: Online assessment practices in Vietnam higher education*. *Theory and Practice in Language Studies*, 14(7), 2263-2270. 2024.
20. Tucci, L. (March). *What is Information Age? - Definition from WhatIs.com*. SearchCIO. 2014. <https://www.techtarget.com/searchcio/definition/Information-Age>
21. Warschauer, M. *Learning in the Cloud: How (and Why) to Transform Schools with Digital Media*. Teachers College Press. 2020.
22. Wilkins, D. A. *Linguistics in Language Teaching*. Cambridge: MFT Press. 1972.